

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG Ở MIỀN NAM (1973-1975)

TS TRINH THỊ HỒNG HẠNH

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, trước những giai đoạn bước ngoặt, Đảng luôn tiến hành củng cố, chỉnh đốn toàn diện về mọi mặt. Nhờ đó, Đảng đã nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, đáp ứng yêu cầu chính trị đặt ra.

Hiệp định Pari được ký kết (1-1973), tạo ra một bước ngoặt căn bản, cách mạng miền Nam đứng trước tình thế mới. Lúc này, lực lượng vũ trang cách mạng đứng vững trên các địa bàn chiến lược và trong thế xen kẽ với địch. Nhân dân vùng địch chiếm đẩy mạnh đấu tranh chống chính sách độc tài, hiếu chiến của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.

Tuy nhiên, cách mạng miền Nam cũng phải đối diện với những khó khăn mới: một bộ phận cán bộ, chiến sĩ và nhân dân hy vọng vào khả năng thi hành Hiệp định, vai trò của Ủy ban giám sát và kiểm soát quốc tế, Ủy ban quân sự liên hiệp. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, chiến sĩ sau những năm tháng chiến tranh ác liệt nảy sinh tư tưởng muốn nghỉ ngơi, cầu an, cố thủ, ngại khó khăn, mất cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù. Khi địch tăng cường càn quét lấn chiếm, lại xuất hiện tư tưởng hoài nghi Hiệp định. Tư tưởng chiến lược tiến công và quan điểm cách mạng bạo lực vì thế không được quán triệt đầy đủ.

Mặc dù phải chấp nhận rút toàn bộ quân khỏi miền Nam Việt Nam, nhưng đế quốc Mỹ không chịu từ bỏ chế độ thực dân mới ở miền Nam. Hiệp định vừa ký kết, chính quyền Việt Nam Cộng hòa thực hiện các kế hoạch bình định, nhằm xoá “thế

da báo”. Thực tế, sau Hiệp định Pari cuộc chiến tranh tiếp tục diễn ra dưới hình thức mới. Mỹ ngoan cố cản trở hiệp thương và hoạt động của phái đoàn liên hiệp quân sự, tiếp tục chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý, “diễn biến hoà bình” phá cách mạng, phá hoại công cuộc khắc phục hậu quả chiến tranh, phục hồi kinh tế, ngăn chặn sự chi viện từ miền Bắc vào miền Nam.

Nắm chắc âm mưu của địch, từ trước khi Hiệp định Pari được ký kết, Bộ Chính trị đã dự kiến “tình hình có thể phát triển theo hai khả năng: hoặc giữ được hoà bình, hoặc chiến tranh trở lại, không thể có ảo tưởng địch sẽ thi hành một cách nghiêm chỉnh, vì chúng rất lo ngại trước nguy cơ của sự sụp đổ hoàn toàn”¹. Tháng 1-1973, Bộ Chính trị thông qua *Nghị quyết của Quân uỷ Trung ương*, xác định nhiệm vụ các lực lượng vũ trang sau khi ký Hiệp định: “con đường tiến lên của cách mạng miền Nam là bạo lực, dựa vào lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang, do đó, phải tích cực phát triển lực lượng cách mạng, xây dựng căn cứ địa và vùng giải phóng vững mạnh, nêu cao tinh thần cảnh giác và trình độ sẵn sàng chiến đấu, đập tan mọi âm mưu gây lại chiến tranh của địch”². Ngày 16-3-1973, Ban Thường vụ Trung ương Cục cũng nhận định tình hình có hai khả

năng phát triển, hoặc địch chịu thi hành Hiệp định hoặc chiến tranh sẽ mở rộng và chỉ đạo các địa phương cần dựa vào tình hình thực tế mà chuyển hướng đấu tranh cho phù hợp.

Sau Hiệp định Pari, bên cạnh nhiệm vụ huy động cao độ nhân lực, vật lực, đánh địch trên chiến trường, công tác xây dựng Đảng trở nên cấp bách, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc nâng cao sức mạnh chiến đấu, đưa sự nghiệp kháng chiến vượt qua mọi khó khăn, thách thức.

Để thống nhất về quan điểm, đường lối cách mạng miền Nam trong thời kỳ mới, ngày 24-5-1973, Bộ Chính trị họp hội nghị mở rộng với đại diện các chiến trường để thảo luận những vấn đề chính yếu của Hội nghị Trung ương. Hội nghị nhất trí kết luận nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là *chuẩn bị điều kiện đầy đủ nhất để có thể chủ động đối phó với địch trong mọi tình huống, sẵn sàng đưa cách mạng miền Nam tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn*.

Quân ủy Trung ương, Trung ương Cục, Khu ủy V khẩn trương triển khai kết luận của Hội nghị Bộ Chính trị, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của chiến trường. Ngày 25-6-1973, Quân ủy Trung ương ra Nghị quyết về *Tình hình và nhiệm vụ quân sự trong giai đoạn mới*, khẳng định quyết tâm chiến đấu, kiên quyết đánh bại mọi hành động lấn chiếm của địch; xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng hậu phương tại chỗ vững mạnh.

Hội nghị Trung ương 21 (7-1973) ra Nghị quyết *Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam Việt Nam trong giai đoạn mới*, khẳng định bất kể trong tình hình nào, con đường của cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực cách mạng, phải nắm vững thời cơ, chiến lược của cách mạng miền Nam vẫn là chiến lược tiến công. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là: “Đoàn kết toàn dân, *đấu tranh trên ba mặt trận chính trị,*

quân sự, ngoại giao một cách hết sức chủ động, linh hoạt, tùy theo từng lúc, từng nơi mà kết hợp giữa các mặt trận đó cho thích hợp, *đề buộc địch phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Pari về Việt Nam, không ngừng giữ vững và phát triển lực lượng của cách mạng về mọi mặt, thắng địch từng bước và chủ động trong mọi tình huống, đưa cách mạng miền Nam tiến lên*”³.

Trước các chiến dịch “Phượng Hoàng”, ly gián của địch, Đảng bộ miền Nam đặc biệt quan tâm công tác an ninh. Trung ương Cục miền Nam nhân mạnh ba nhiệm vụ chủ yếu: tập trung mọi khả năng đánh bại âm mưu, thủ đoạn hoạt động gián điệp của Mỹ - ngụy; chủ động tấn công bọn công an, gián điệp, góp phần giành dân, giành quyền làm chủ, ở vùng ta làm chủ phải bảo đảm giữ vững trật tự, an ninh trong mọi tình hình; tăng cường công tác bảo vệ Đảng, chính quyền, cơ quan, đoàn thể, chống nội gián hiệu quả⁴. Nhiệm vụ từng vùng nông thôn, thành thị, vùng giải phóng được xác định cụ thể. Công tác bảo vệ nội bộ được đặc biệt chú trọng không những đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống phản cách mạng ở các địa bàn chiến lược mà còn chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy sau đó.

Trước yêu cầu cấp bách của nhiệm vụ xây dựng Đảng trong tình hình mới, Hội nghị Trung ương lần thứ 23 (từ ngày 25-10 đến ngày 10-12-1974), ra Nghị quyết *Về Tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng*. Nghị quyết chỉ rõ: “phải tăng cường công tác xây dựng Đảng, bảo đảm cho Đảng ta luôn luôn nắm vững và vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện mới của cách mạng nước ta, có đường lối, chính sách đúng, có tư tưởng cách mạng triệt để, có tổ chức vững mạnh, có năng lực lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện đầy đủ, xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Đó là nhiệm vụ xây dựng Đảng trong giai đoạn mới để tăng cường và phát huy hơn nữa tính chất Đảng của giai cấp công nhân”⁷⁵.

Đúc kết kinh nghiệm công tác xây dựng Đảng, Hội nghị nêu 5 phương châm: Xây dựng Đảng trong phong trào cách mạng của quần chúng, phấn đấu thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng; Công tác tư tưởng và công tác tổ chức phải gắn chặt với nhau, bảo đảm nhiệm vụ chính trị được xác định đúng, được thông suốt và được thực hiện thắng lợi; Xây dựng Đảng phải gắn liền với việc nâng cao năng lực quản lý, kiểm toàn tổ chức của Nhà nước và việc xây dựng, củng cố các đoàn thể quần chúng, hình thành sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản; Nâng cao chất lượng đảng viên phải kết hợp với nâng cao chất lượng cán bộ, với kiểm toàn cơ quan lãnh đạo từng cấp, từng ngành; Phát triển Đảng phải coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng, phát triển phải đi đôi với củng cố. Vừa kết nạp vào Đảng những người ưu tú, thật sự đủ tiêu chuẩn đảng viên, vừa kịp thời đưa ra khỏi Đảng những người thoái hoá, biến chất. Luôn luôn cảnh giác, đề phòng những phần tử địch, những phần tử cơ hội chui vào Đảng.

Nghị quyết Trung ương lần thứ 23 có ý nghĩa quan trọng trong việc chuẩn bị về lý luận và tổ chức cho Đảng khi bước vào giai đoạn mới, lãnh đạo hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Công tác chính trị tư tưởng trong Đảng được chú ý tăng cường. Công tác tư tưởng trong những năm 1973-1975 tập trung vào thực hiện nhiệm vụ chính trị, động viên cả nước dốc sức giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Ở các địa phương miền Nam, quán triệt nhiệm vụ Hội nghị Trung ương lần thứ 21, các tổ chức Đảng tập trung bồi dưỡng tinh thần cách mạng tiến công, nâng cao cảnh giác, chống mọi khuynh

hướng hòa bình chủ nghĩa, tư tưởng nghỉ ngơi, không sẵn sàng chiến đấu, khẳng định quyết tâm giải phóng miền Nam bằng con đường cách mạng bạo lực, quyết tâm giành lại đất, giành lại dân, đưa cách mạng miền Nam trở lại thế tiến công mạnh mẽ. Các cấp ủy triển khai Nghị quyết Trung ương trong lực lượng vũ trang và các đoàn thể quần chúng. Nhờ làm tốt công tác tư tưởng nên đã tạo được bước chuyển tích cực trong cán bộ, đảng viên và các đoàn thể quần chúng. Ở các đô thị, công tác tư tưởng tập trung thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị, đòi Mỹ - ngụy phải thi hành Hiệp định Pari; đẩy mạnh phong trào học sinh, sinh viên với các chủ đề “Đêm không ngủ”, “Đêm cầm hờn”, “Đêm cầu nguyện cho hòa bình”, “Hát cho đồng bào tôi nghe”...

Cuối năm 1974 đầu năm 1975, khi thời cơ giải phóng miền Nam xuất hiện, quyết tâm giải phóng miền Nam với tinh thần “một ngày bằng 20 năm” được quán triệt sâu rộng, động viên cao độ sức mạnh chiến đấu và chiến thắng của cán bộ, chiến sĩ, đảng viên và quần chúng yêu nước, tiến lên giành thắng lợi cuối cùng.

Nhiều tổ chức đảng được thành lập. Chức năng, nhiệm vụ của những tổ chức đảng được quy định rõ ràng và chặt chẽ hơn. Ngày 24-4-1974, Ban Bí thư ra *Nghị quyết Về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban miền Nam của Trung ương Đảng*. Hội đồng chi viện miền Nam ở Trung ương được thành lập (ngày 25-3-1975) khẳng định sự tập trung cao độ của toàn Đảng, của nhân dân cả nước và vai trò đặc biệt quan trọng của sự chi viện miền Bắc cho miền Nam, thúc đẩy mạnh mẽ việc cung cấp sức người, sức của từ hậu phương miền Bắc cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Tại Khu V, Đảng bộ tăng cường công tác phát triển đảng viên. Trong 18 tháng sau Hiệp định Pari, toàn Khu phát triển 7.315 đảng viên mới, chiếm 81%, thành phần cơ bản chiếm 80% và

trên 45% ở cơ sở xã, thôn đồng bằng và miền núi; đảng viên sống hợp pháp chiếm 11% trong tổng số đảng viên mới phát triển ở xã, thôn⁶. Tuy nhiên, so với yêu cầu và nhiệm vụ chính trị của Đảng thì số lượng đảng viên mới phát triển của Khu V còn thấp, nhất là ở những vùng địch và vùng tranh chấp (toàn Khu vẫn còn 137 xã ở đồng bằng và 32 xã ở miền núi chưa có chi bộ, chiếm trên 18% và còn nhiều thôn chưa có đảng viên). Đến tháng 6-1974, sau khi tập trung củng cố, phát triển, Đảng bộ Khu V có 3.836 chi bộ, tăng 183 chi bộ so với cuối năm 1972⁷.

Công tác đào tạo cán bộ được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo. Các trường Đảng, trường nghiệp vụ của các ngành, khu, tỉnh, huyện đều mở lớp đào tạo cán bộ để kịp thời phục vụ nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới. Đã có 13.949 cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, nghiệp vụ, 1.830 cán bộ theo học các lớp bổ túc văn hoá cấp I, II⁸. Bộ máy lãnh đạo các cấp uỷ từ huyện đến khu được củng cố, kiện toàn. Các cấp uỷ huyện, tỉnh được kiện toàn một bước căn bản, cấp tỉnh uỷ ít nhất là 22 đồng chí, nhiều nhất là 29 đồng chí, huyện uỷ có từ 6 đến 22 đồng chí. Đến tháng 6-1974 toàn Khu có 28.267 cán bộ⁹.

Đến cuối năm 1973, đầu năm 1974, cơ sở cách mạng trong vùng địch kiểm soát từng bước được củng cố và phát triển. Tỉnh Thừa Thiên có hai hệ thống cơ sở mật và công khai song song hoạt động với hơn 3 ngàn cơ sở thuộc các đoàn thể quần chúng, hơn 270 cơ sở nội tuyến, 315 du kích mật, gần 850 cán bộ phong trào¹⁰.

Vừa chiến đấu vừa bảo toàn lực lượng, vừa tiến hành xây dựng cơ sở, đến cuối năm 1973, Khu VI phát triển được 589 đảng viên, 434 đoàn viên, 783 du kích mật, 8.773 hội viên các đoàn thể quần chúng trong các vùng địch kiểm soát¹¹.

Khu IX (Tây Nam Bộ), đến cuối tháng 2-1975, không còn xã trắng trong 420 xã, 40 xã có đảng

bộ, 340 xã có chi bộ cơ sở, 26 xã có đảng viên, 14 xã có cơ sở quần chúng¹².

Tại Sài Gòn - Gia Định, đến tháng 9-1974, tại vùng nông thôn ta có cơ sở cách mạng ở 258 ấp trên tổng số 359 ấp; 125 chi bộ với trên 900 đảng viên; 61 chi đoàn với trên 560 đoàn viên. Ở nội thành, có 27 chi bộ với 337 đảng viên; trên 20 chi đoàn với 172 đoàn viên; 127 tổ hạt nhân, 22 tổ giải phóng; trên 2.500 quần chúng cảm tình, tích cực; trên 22.000 quần chúng tham gia tổ chức công khai, nửa công khai¹³.

Nhìn chung, công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng và phát triển đảng viên ở địa bàn Trung ương Cục miền Nam phụ trách đã có bước phát triển quan trọng. Đến năm 1975, phát triển lên đến 7.717 chi bộ, gồm 3.728 chi bộ cơ quan, quân đội và 3.989 chi bộ địa phương (trong đó chi bộ nông thôn là 3.341, thành thị là 648); số đảng viên là 100.990 đồng chí (tăng 34.094 đảng viên so với tháng 9-1974)¹⁴. Đảng viên đã trải qua rèn luyện thử thách, thể hiện vai trò tiên phong, gương mẫu trong chiến đấu, công tác, quan hệ mật thiết với quần chúng. Tuy nhiên, do chiến tranh ác liệt, tại một số địa phương, số đảng viên phát triển được không bù kịp số đảng viên bị tổn thất. Một số địa bàn vùng dân tộc như Phước Long, Quảng Đức, phong trào quần chúng mạnh nhưng chưa có cơ sở đảng nên không phát triển được. Có chi bộ chưa gắn chặt công tác phát triển đảng với thực hiện nhiệm vụ chính trị và phong trào cách mạng của quần chúng, chưa gắn với xây dựng và củng cố tổ chức quần chúng.

Công tác cán bộ được chú trọng. Hệ thống trường Đảng của Miền, các khu, các tỉnh đã đào tạo, huấn luyện hàng ngàn lượt cán bộ, đảng viên. Cuối năm 1973, tổng số cán bộ lãnh đạo các cấp, cán bộ chính trị và cán bộ khoa học kỹ thuật là 26.250 người, trong đó 182 cán bộ là tỉnh uỷ viên, huyện uỷ viên và cán bộ trung cấp là 1.442, cán

bộ sơ cấp là 7.211, xã ủy viên và chi ủy viên là 16.495, còn lại là cán bộ khác¹⁵.

Đề cao nhiệm vụ chống ly gián, chống bộc lộ lực lượng, sau khi Hiệp định Pari được ký kết, Bộ Công an ra Chỉ thị số 132/CT-KC1 (28-2-1973) về công tác cấp bách trong tình hình mới, nêu rõ nhiệm vụ kiên quyết đánh bại chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý, âm mưu “diễn biến hoà bình” của địch, ngăn chặn và trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của phản cách mạng, bảo vệ tốt công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, bảo vệ tốt giao thông vận chuyển, bảo vệ lực lượng vũ trang, bảo vệ bí mật của Đảng và Nhà nước, tích cực chi viện cho an ninh miền Nam, phục vụ tốt việc thi hành Hiệp định.

Phong trào quần chúng phòng gian bảo mật, bảo vệ vùng căn cứ phát triển mạnh mẽ. Quần chúng tích cực tự giác tham gia đấu tranh chống càn quét lấn chiếm, cung cấp hàng ngàn tin có giá trị đề cơ quan an ninh có kế hoạch phòng ngừa, bảo vệ vùng giải phóng. Trong năm 1973, lực lượng an ninh đã đạt thành tích lớn, tiêu diệt trên 2 nghìn tên địch, bắt 1.588 tên, làm tan rã 11.635 tên, gồm các lực lượng kìm kẹp ở cơ sở, chủ yếu ở vùng tranh chấp và vùng địch kiểm soát¹⁶.

Hệ thống tổ chức, cán bộ an ninh được xây dựng, củng cố. Năm 1970, có 37 huyện không có Ban an ninh, đến đầu năm 1974, các Ban an ninh huyện được khôi phục, có 1.250 Ban an ninh xã, 4.130 an ninh ấp¹⁷.

Ban An ninh các khu, tỉnh đẩy mạnh công tác điệp báo, nắm tình hình các tổ chức gián điệp, cảnh sát, bình định và phản động tay sai; phát triển cơ sở bí mật tại đô thị, tăng cường các hoạt động trinh sát vũ trang, tấn công các loại tình báo “Phượng Hoàng”, “Thiên Nga”, cảnh sát ác ôn cơ sở, hỗ trợ quần chúng nổi dậy đấu tranh. An ninh Sài Gòn - Gia Định xây dựng được cả cơ sở trong Ủy ban Phượng hoàng Trung ương chính

quyền Việt Nam Cộng hoà, trong Tổng liên đoàn lao động, các cơ quan báo chí, các đảng phái, tôn giáo..., thu thập được nhiều tin tức có giá trị chiến lược phục vụ công tác lãnh đạo và tấn công địch, bảo vệ cách mạng. Thông qua phong trào quần chúng chống Mỹ - Thiệu, lực lượng an ninh đô thị đẩy mạnh xây dựng cơ sở, tập hợp rộng rãi lực lượng, chuẩn bị cho tiến công và nổi dậy sau này.

Tháng 11-1974, Ban An ninh Trung ương Cục miền Nam tổ chức Hội nghị bảo vệ chính trị toàn Miền lần thứ hai, đề ra chương trình công tác bảo vệ chính trị trong thời gian tiếp theo. Các địa phương có kế hoạch, phương án toàn bộ gồm tham gia tấn công chiếm lĩnh các mục tiêu quan trọng, nhất là các mục tiêu thuộc an ninh phụ trách, gấp rút củng cố lực lượng điệp báo, rà soát lại các cơ sở, xây dựng cơ sở điệp báo mới vào các cơ quan tình báo gián điệp, cảnh sát, an ninh, quân đội, các tổ chức đảng phái, tôn giáo, nhân vật cao cấp trong quân đội và chính quyền địch. Lực lượng bí mật và mạng lưới cơ sở giao liên được củng cố và phát triển.

Trước những chuyển biến nhanh chóng của tình hình chiến trường miền Nam, Hội nghị Bộ Chính trị họp từ 30-9 đến 8-10-1974 bàn về chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam. Bộ Chính trị khẳng định: “đây là thời cơ thuận lợi nhất để nhân dân ta hoàn toàn giải phóng miền Nam, giành thắng lợi trọn vẹn cho cách mạng dân tộc, dân chủ... Ngoài thời cơ này, không có thời cơ nào khác”¹⁸. Thực hiện Nghị quyết Bộ Chính trị, quân dân cả nước đã chuẩn bị mọi mặt cả về tư tưởng và tổ chức cho cuộc Tổng tiến công nổi dậy mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã tiêu diệt và làm tan rã hơn một triệu tên địch. Toàn bộ các tổ chức, lực lượng tình báo gián

điệp, cảnh sát bảo an, dân vệ, chiến tranh tâm lý, các đoàn binh định và hệ thống kim kẹp từ Trung ương đến cơ sở địch sụp đổ hoàn toàn. Quân và dân ta chiếm lĩnh và tiếp thu hầu như nguyên vẹn các cơ sở, hồ sơ tài liệu, phương tiện, kho tàng của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hoà.

Trong giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thành công nổi bật trong công tác xây dựng Đảng là xác định đúng đắn đường lối chính trị trong tình hình mới. Đảng đã nhận thức sự chuyển biến nhanh chóng của tình hình cách mạng sau khi Hiệp định Pari được ký kết, nắm bắt những khuyết điểm, lệch lạc trong nhận thức, chỉ đạo ở địa phương, kịp thời xác định đúng con đường tiến lên của cách mạng miền Nam là dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hoà. Nhảy bèn phát hiện thời cơ chiến lược giải phóng miền Nam phù hợp với so sánh lực lượng trong nước và bối cảnh quốc tế lúc đó, hạ quyết tâm chiến lược kịp thời, chính xác, tạo thời cơ, thúc đẩy thời cơ và chớp thời cơ giải phóng miền Nam trong thời gian ngắn nhất. Công tác tư tưởng và tổ chức được đặc biệt quan tâm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn bước ngoặt của cách mạng. Bản lĩnh chính trị của Đảng được tăng cường trước khó khăn, thử thách.

Trước tình hình mới và yêu cầu mới của nhiệm vụ xây dựng đất nước hiện nay, đặc biệt là nhiệm vụ tái cấu trúc nền kinh tế, tạo năng lực mới là một bước ngoặt quan trọng. Quá trình chuyển giai đoạn này là một thách thức lớn đến năng lực cầm quyền. Đảng phải định được đường lối mới phù hợp với tình hình; đổi mới tư duy, phương thức, phong cách lãnh đạo; có tổ chức kiểu mới tương ứng; phải có đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ chủ chốt, đáp ứng được yêu cầu. Những kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng trong chiến tranh cách mạng, đặc biệt trước những thời đoạn bước

ngoặt vẫn luôn có ý nghĩa thời sự quan trọng đối với nhiệm vụ nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cũng như bản lĩnh cầm quyền của Đảng giai đoạn hiện nay.

1. Dự thảo Nghị quyết Bộ Chính trị gửi Trung ương Cục và các Khu cuối tháng 1-1973, Lưu trữ tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương

2. Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Quân uỷ Trung ương, tháng 1-1973

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2004, T.34, tr. 237

4, 16, 17. Xem: Hội nghị ngành an ninh miền Nam lần thứ hai, tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Trung ương Đảng, P 42, ĐV 0429

5, 6, 7, 8, 9, 18. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2004, T.35, tr. 287, 420, 425, 429, 431-432, 179

10, 11. Xem Bộ Quốc phòng. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), T.VIII, Toàn thắng*. Nxb CTQG, H, 2008, tr. 55, 64

12. Xem Ban Chỉ đạo và Ban biên tập truyền thống Tây Nam Bộ: *Tây Nam Bộ 30 năm kháng chiến (1945-1975)*, 12-2000, tr. 780

13. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh, tập II (1954-1975) Sơ thảo*, Nxb TP Hồ Chí Minh, 2000, tr. 341

14, 15. Xem Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, PGS, TS Nguyễn Quý (Chủ biên): *Lịch sử Xứ uỷ Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Nxb CTQG, H, 2010, tr. 510-511, 511.